**CHẾ ĐỘ BẦU CỬ TỰ DO- THÀNH TỐ QUAN TRỌNG CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN**

* 1. **Khái quát về nhà nước pháp quyền**

Thực tiễn trong nước và thế giới thời gian qua đã chứng minh vai trò to lớn của lý luận đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia dân tộc. Việc nhận thức một cách sâu sắc bản chất của các quá trình xã hội, các quan hệ xã hội có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa ra các quyết sách chính trị. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay cần phải được tiến hành trên cơ sở một khung lý luận vững chắc, có vai trò giá đỡ cho tư duy khi giải quyết các nhiệm vụ cụ thể liên quan. Nội dung then chốt nhất trong đó chính là phải làm rõ "Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam" là gì? Muốn vậy, trước hết cần xác định rõ nội hàm của khái niệm nhà nước pháp quyền".

Ngày nay, xu hướng giải thích khái niệm “nhà nước pháp quyền” ngày càng được mở rộng theo hướng những gì nhà nước pháp quyền đem lại phải là những gì tốt đẹp nhất cho nhân dân. Giới nghiên cứu khai thác chủ đề này dường như chưa bao giờ cạn và khoa học pháp lý cũng không ngừng đóng góp vào việc làm giàu nội dung tốt đẹp của nguyên tắc này.

Thuật ngữ “nhà nước pháp quyền” ngày nay không chỉ được hiểu ở ý nghĩa hình thức là nhà nước chịu sự ràng buộc bởi các đạo luật mà Nhà nước pháp quyền về mặt nội dung là nhà nước công bằng; không chỉ bao hàm các nguyên tắc như việc cơ quan hành chính tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật hoặc sự phân công, kiểm soát quyền lực nhà nước, mà cao cả hơn là sự ghi nhận và bảo đảm thực hiện quyền dân chủ, quyền con người. Do đó, trong nhà nước pháp quyền, các đạo luật quy định, bảo đảm cũng như giới hạn các quyền tự do cơ bản một cách bình đẳng. Quyền bình đẳng được bảo đảm không cho phép nhà nước độc đoán, tùy tiện trong việc giải quyết các vụ việc liên quan đến dân.

Trước hết, "nhà nước pháp quyền" tồn tại với tính cách một khái niệm. Điều đó có nghĩa là, "nhà nước pháp quyền" tồn tại trong tư duy, là sản phẩm của tư duy. Nó không đồng nhất với một mô hình nhà nước hiện tồn, có tính trực quan, mà là sự phản ánh một trình độ tất yếu đạt tới của quyền lực nhân dân trong xã hội được tổ chức thành nhà nước. Nói cách khác, đó là sự phản ánh một trình độ tất yếu đạt tới của bộ máy nhà nước. Nội dung của nó là khách quan, là bản chất của nhà nước ở một giai đoạn trong quá trình tự phát triển, được khái quát từ sự vận động và phát triển của các nhà nước hiện tồn, song tuyệt nhiên không đồng nhất với bất cứ một nhà nước hiện tồn nào.

Đây là một quan niệm có tính phương pháp luận trong nghiên cứu nhà nước pháp quyền được rút ra từ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước. Cũng giống như "vật chất" là một phạm trù triết học, chỉ tồn tại trong tư duy và là sản phẩm của tư duy thuần tuý (Ph.Ăngghen), "nhà nước pháp quyền" được định nghĩa như trên là một phạm trù của triết học duy vật biện chứng về lịch sử. Nhà nước pháp quyền là một trạng thái mà sự phát triển của nhà nước nhất định sẽ đạt tới, bất kể ý thức của con người có nhận thức dược hay không. Vì thế, nó có tính khách quan và phổ biến. Tuy nhiên, với mỗi dân tộc, con đường, cách thức đi tới nhà nước pháp quyền và nội dung của nhà nước pháp quyền lại mang những dấu ấn riêng của dân tộc ấy. Vì thế, hình thức tồn tại hiện thực của nhà nước pháp quyền rất phong phú, đa dạng và cũng rất phức tạp. Không thể biến mô hình nhà nước ở một quốc gia dân tộc này thành cái chung, giá trị chung, làm chuẩn mực đánh giá, phán xét mô hình nhà nước của một quốc gia dân tộc khác có phải nhà nước pháp quyền hay không, càng không thể từ sự quy chụp như thế để đánh giá quốc gia dân tộc ấy có phải là một quốc gia dân tộc văn minh, phát triển hay không.

Việc đánh giá một mô hình nhà nước cụ thể không thể căn cứ vào những dấu hiệu, những biểu hiện bề ngoài, tức là không thể căn cứ vào hiện tượng, mà phải căn cứ vào thực chất, vào bản chất của nó. Những căn cứ mà lâu nay người ta dựa vào để đánh giá tính chất pháp quyền của một nhà nước, như "sự thống trị của pháp luật trong đời sống xã hội", "quan hệ giữa các cơ quan lập pháp - hành pháp - tư pháp là quan hệ quyền lực ràng buộc và hạn chế quyền lực", đều là những biểu hiện bề ngoài, hoặc là của quan hệ giữa nhà nước và pháp luật, hoặc là của quyền lực nhà nước và cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước. Thực chất của vấn đề là ở chỗ, nhà nước và pháp luật có thể hiện được trình độ phát triển của quyền lực nhân dân hay không, hay nói cách khác, chỉ có quyền lực của nhân dân lao động được luật hoá và đảm bảo thực thi có hiệu quả bằng các thiết chế chính trị - xã hội nhằm mang lại quyền lợi cho nhân dân mới làm nên tính chất pháp quyền của nhà nước.

Bản chất của nhà nước pháp quyền được phản ánh trong khái niệm nói trên là "quyền lực của nhân dân được thể chế hoá thành pháp luật và đảm bảo thực thi bằng bộ máy nhà nước cũng như các thiết chế chính trị - xã hội khác nhằm mang lại quyền lợi cho nhân dân". Đây chính là nội hàm căn bản nhất của khái niệm "nhà nước pháp quyền" *[7].*

Pháp quyền là quyền lực của nhân dân được thể chế hoá thành luật và đảm bảo thực thi bằng nhà nước và các thiết chế chính trị xã hội khác. Pháp quyền có sự phân biệt với pháp luật. Pháp luật là ý chí của giai cấp nắm giữ sức mạnh kinh tế được đề lên thành luật. Khi giai cấp này đồng thời là đại biểu cho toàn thể xã hội, nghĩa là sức mạnh của nó được toàn thể xã hội thừa nhận, thì ý chí của nó dưới hình thức luật là pháp quyền, còn khi nó chỉ đại diện cho chính mình như một bộ phận trong quan hệ đối lập với các bộ phận khác trong xã hội (nghĩa là sức mạnh của nó không được toàn thể xã hội thừa nhận) thì ý chí của nó dưới hình thức luật chỉ là pháp luật.

Trong nhà nước pháp quyền, việc tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm của con người là nghĩa vụ của tất cả các chủ thể được giao thực thi quyền lực nhà nước. Tất cả quyền lực nhà nước có nguồn gốc từ nhân dân. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; quyền lực nhà nước do các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp thực hiện theo pháp luật và lẽ phải. Các cơ quan công quyền phải tuân thủ, chấp hành Hiến pháp và pháp luật, lấy việc tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân làm chức năng, trách nhiệm chính của mình. Nhà nước phải chịu trách nhiệm trước công dân về những hành vi vi phạm pháp luật của người thi hành công vụ. Nguyên tắc nhà nước pháp quyền cũng đòi hỏi các văn bản pháp luật mà tất cả mọi người phải chấp hành phải được công bố công khai. Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ lòng tin vào pháp luật hoặc không được vượt quá giới hạn mà pháp luật cho phép.

Dân chủ là tiền đề ra đời của nhà nước pháp quyền và bản thân nhà nước pháp quyền có trách nhiệm bảo vệ, phát triển dân chủ. Vì vậy, trong nhà nước pháp quyền, yêu cầu đặt ra là cần tối ưu hóa việc điều chỉnh các quyền và lợi ích khác nhau theo các tiêu chí công bằng và hợp lý. Nhà nước phải đưa ra các quy định công bằng, hợp lý, tương xứng, phù hợp với bản chất tự nhiên vốn có của con người và vụ việc thực tế; phải làm thế nào để pháp luật thực sự là môi trường an toàn, lành mạnh, đủ rộng về không gian pháp lý để người dân có khả năng xây dựng cuộc sống của mình theo kế hoạch riêng, dựa trên cơ sở vững chắc để tự quyết định, đặc biệt là cơ sở pháp lý dân sự. Pháp luật phải minh bạch, rõ ràng, cụ thể và có tính thân thiện để cho mọi người có thể nắm được và định hướng hành động của mình theo pháp luật. Theo đó, pháp luật phải được công bố để mọi người biết và có thể giải thích một cách rõ ràng *[4].*

Ở mức độ khái quát, có thể nói rằng một nhà nước được xác định là nhà nước pháp quyền khi nhà nước đó được tổ chức và vận hành theo một số nguyên tắc cơ bản như: nguyên tắc phân công và kiểm soát quyền lực; hiệu lực pháp lý cao nhất của Hiến pháp; tính thống nhất của hệ thống pháp luật; cơ quan hành pháp và tư pháp phải tuân thủ, chấp hành pháp luật; an toàn pháp luật và bảo vệ sự tin cậy vào pháp luật; có cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm giải quyết tranh chấp chủ yếu bằng con đường tòa án; nghĩa vụ giải trình về quyết định của nhà nước; trách nhiệm lắng nghe ý kiến…

* 1. **Đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay**

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngoài việc bảo đảm các tiêu chí của nhà nước pháp quyền nói chung, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng, còn có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, về quá trình hình thành và phát triển, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được hình thành và phát triển trên cơ sở đánh đổ chế độ phong kiến, thực dân, không kinh qua giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản. Đây là đặc điểm lịch sử rất quan trọng cho chúng ta thấy rõ điểm xuất phát của quá trình xây dựng nhà nước cùng với những khó khăn, yếu kém của hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc xã hội. Qua mấy chục năm phấn đấu, xây dựng và đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động, đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994), lần đầu tiên trong văn bản chính thức của Đảng, chúng ta mới xác định việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Thứ hai, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đây là đặc điểm rất quan trọng mà nhà nước pháp quyền tư sản không thể có được. Thực chất đặc điểm này của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm bảo đảm tính giai cấp, tính nhân dân của Nhà nước ta. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và do nhân dân định đoạt, nhân dân quyết định phương thức tổ chức, xây dựng và vận hành của bộ máy quyền lực nhà nước nhằm đáp ứng ngày càng cao lợi ích của nhân dân và của toàn bộ dân tộc. Đây còn là sự thể hiện về tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa so với các chế độ khác.

Thứ ba, trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan chức năng của nhà nước để thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đây là phương thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước rất mới mẻ, chúng ta phải lấy hiệu quả thực tiễn để kiểm nghiệm. Về nguyên tắc, chúng ta không thừa nhận học thuyết "tam quyền phân lập" vì nó máy móc, khô cứng theo kiểu các quyền hoàn toàn độc lập, không có sự phối hợp, thậm chí đi đến đối lập, hạn chế sức mạnh của cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể trở lại với nguyên tắc tập quyền, tức là tập trung toàn bộ quyền lực cao nhất của nhà nước lập pháp, hành pháp và tư pháp cho một cá nhân, hoặc một cơ quan tổ chức nhà nước. Bởi vì, làm như vậy là đi ngược lại lịch sử tiến bộ của nhân loại.

Vấn đề đặt ra yêu cầu chúng ta phải nghiên cứu giải quyết đó là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải có sự phân công, phân định thẩm quyền cho rõ ràng, minh bạch để thực hiện có hiệu quả với chất lượng cao ba quyền, tránh tình trạng chồng chéo, tùy tiện, lạm quyền...

Thứ tư, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Một trong số những nội dung cơ bản nhất của nguyên tắc tập trung dân chủ là thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên. Tập trung dân chủ được thể hiện trong quá trình tổ chức và xây dựng bộ máy quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, khi áp dụng nguyên tắc này cần cân nhắc, xem xét các điều kiện cần và đủ để phát huy tác dụng, hiệu quả tích cực của nguyên tắc này; đặc biệt phải lưu ý đến quyền hạn và trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện công vụ của bộ máy công quyền hiện nay.

Thứ năm, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội. Mối quan hệ qua lại giữa Nhà nước với công dân, giữa dân chủ với kỷ cương trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải do pháp luật quy định và điều chỉnh. Đây là một đặc điểm quan trọng, xuyên suốt trong toàn bộ quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay và phải được thực hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thứ sáu, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật, không ngừng tăng cường và đổi mới công tác lập pháp, hành pháp và tư pháp; đồng thời, thường xuyên quan tâm đến việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân.

Thứ bảy, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đây là đặc điểm nổi bật của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Hiến pháp ghi nhận và nhân dân Việt Nam đồng tình ủng hộ. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua cương lĩnh, đường lối, chính sách được thể chế bằng pháp luật. Đảng không làm thay Nhà nước và phải hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật. Đảng không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của mình nhằm tạo điều kiện cho bộ máy nhà nước hoạt động có hiệu quả, đặc biệt trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, Đảng không ngừng đổi mới công tác tổ chức và xây dựng bộ máy để bảo đảm Đảng vẫn giữ được vai trò lãnh đạo Nhà nước, nhưng không chồng chéo với các cơ quan chức năng tương ứng trong bộ máy của Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan tư pháp *[7].*